

QUÊ HƯƠNG VÀ DÒNG HỌ LINH MỤC PHÊRÔ PHẠM BÁ TRỰC

NGUYỄN PHÚ LỢI^(*)

Khảo cứu về làng xã và dòng họ là vấn đề thú vị, song cũng rất khó, vì nguồn tư liệu thành văn hầu như không có. Nhưng may mắn cho chúng tôi được ông Phạm Quang Thiện⁽¹⁾, cháu họ Linh mục Phạm Bá Trục cung cấp một số tư liệu để có thể viết về quê hương và dòng họ của Linh mục Phạm Bá Trục.

Linh mục Phêrô Phạm Bá Trục, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1898 trong một gia đình theo đạo lâu đời, tại làng Bạch Liên, xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình (nay thuộc giáo xứ Bạch Liên, địa phận Phát Diệm). Thân phụ của Ngài là cụ cố Phạm Bình, thân mẫu là cụ cố Nguyễn Thị Đệ. Truyền thống kính Chúa, yêu nước của quê hương và dòng họ đã ảnh hưởng đến cuộc đời phụng sự Thiên Chúa và Tổ quốc của Linh mục Phạm Bá Trục.

1. Quê hương

Từ làng Bồ Bát đến làng Bạch Liên - một dòng lịch sử

Có lẽ ít có làng xã nào ở nước ta lại có nhiều thay đổi về tên gọi như làng Bạch Liên. Qua khảo sát thực tế cho thấy, làng Bạch Liên là một làng Việt cổ, ban đầu có tên là *Bồ Bát*. Căn cứ vào nguồn tư liệu lịch sử và qua khảo sát tế tại địa phương có thể khẳng định, tên Bồ Bát có từ thời Hùng vương dựng nước. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Hùng vương lên ngôi, đặt quốc hiệu là Văn Lang... Quan coi

việc gọi là Bồ Chính”⁽²⁾. Nhà nước Văn Lang chia làm 15 bộ, đứng đầu là lạc tướng theo chế độ thế tập cha truyền con nối, còn gọi là *phụ đạo* hay *bố tướng*. Dưới bộ là các công xã nông thôn (làng xã), gọi là *kẻ, chạ, chiềng* do các Bồ Chính⁽³⁾ (già làng) đứng đầu, cũng theo chế độ cha truyền con nối. Bên cạnh Bồ Chính, có lẽ có một nhóm người hình thành một tổ chức có chức năng như một hội đồng công xã để tham gia điều hành công việc của công xã nông thôn. Mỗi công xã có trung tâm hội họp, sinh hoạt cộng đồng, thường là một ngôi nhà công cộng⁽⁴⁾. Vào thời Hùng vương, có lẽ Bồ Bát cũng là một công xã nông thôn như vậy, giống như nhiều công xã khác trong vùng. Qua khảo sát thực tế cho thấy, tại vùng này có bầy

*. TS., Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Tư liệu viết về sự biến đổi tên làng Bạch Liên và dòng họ Phạm ở Bạch Liên do ông Phạm Quang Thiện, cháu họ Linh mục Phạm Bá Trục, cán bộ giảng dạy tại Học viện Phòng không Không quân đã nghỉ hưu cung cấp. Nhưng rất tiếc chúng tôi chưa được tiếp cận với bản gốc nên cần được xác minh lại.

2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983, tập I, tr.117-118.

3. Bồ Chính là chữ Hán phiên âm từ tiếng Việt cổ Pô Chiềng nghĩa là già làng. Chiềng là đơn vị cộng cư lớn hơn kẻ, chạ. Một chiềng là một chạ lớn quản một số sự việc chung của vài kẻ, chạ, nhưng không phải là đơn vị hành chính cấp trên của kẻ, chạ. Xem Đỗ Văn Ninh. *Từ điển quan chức Việt Nam*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 2002, tr.106.

4. Trương Hữu Quýnh (Chủ biên). *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997, tập I, tr.45-46.

làng có tên là “Bồ”, như Bồ Xuyên, Bồ Vi, Bồ Bái, Bồ La, Bồ Kênh, Bồ Đoài và Bồ Bát. Những phát hiện hàng chục ngôi mộ táng có niên đại cách ngày nay khoảng 3.500 đến 4.000 năm tại di chỉ Mán Bạc (thôn Bạch Liên, xã Yên Thành, Yên Mô, Ninh Bình) năm 2004-2005⁽⁶⁾, càng khẳng định tên làng Bồ Bát đã xuất hiện vào thời Hùng vương.

Vào thế kỉ X, làng Bồ Bát đổi thành làng *Bát Cống*, lộ Trường Yên⁽⁶⁾. Tương truyền, vào thời nhà Đinh (968-979), hằng năm dân làng Bồ Bát triều cống sản phẩm đồ gốm sứ (bát, đĩa, ấm chén) của mình cho triều đình nên làng Bồ Bát đổi thành làng *Bát Cống*, nghĩa là triều cống cho vua.

Năm 1373, thời vua Trần Duệ Tông, làng Bát Cống đổi thành làng *Bạch Bát* (gồm hai thôn Bạch Bát và Bát Dạng), lộ Trường Yên. Vào thời vua Lê Nhân Tông (1442-1458), làng Bạch Bát đổi thành làng Xuân Áng, còn làng Bát Dạng đổi thành làng Tiên Dương⁽⁷⁾. Thời vua Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (1469), làng Xuân Áng đổi thành Bồ Bát (gồm thôn Thượng Phường, Xuân Áng, Tiên Dương, Thừa Tiên), huyện Yên Mô⁽⁸⁾, phủ Trường Yên, đạo Thanh Hoa.

Năm 1564, làng Bồ Bát đổi lại thành làng Bạch Bát, huyện Yên Mô, thuộc Thanh Hoa ngoại trấn⁽⁹⁾. Đầu thế kỉ XIX, làng này có tên là *trang Bạch Bát*, tổng Bạch Bát. Sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỉ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, viết vào cuối thời Gia Long (khoảng từ năm 1810-1819), cho biết: “Tổng *Bạch Bát* có 9 xã, thôn, trang: Yên Diên, thôn Bộc Cô thuộc xã Trường Khê, thôn Hoàng Nê, Mã Tiên, Bồ Xuyên, Trinh Nữ, Bình Hào, trang Hưng Hiên, trang Bạch Bát”⁽¹⁰⁾. Đầu thời Minh Mạng, tổng Bạch Bát đổi thành tổng *Bạch Liên*,

xã Bạch Bát đổi thành xã *Bạch Liên*. Tên xã *Bạch Liên* và tổng *Bạch Liên* được biết đến trong địa bạ lập ngày 15 tháng 12 năm Minh Mạng 12 (1831) hiện còn lưu giữ tại Viện Hán Nôm⁽¹¹⁾. Theo sự giải thích của các cụ cao niên ở địa phương, do nằm giữa vùng đồng trũng, xung quanh có núi bao bọc như bức tường thành vững chắc, làng nổi lên giữa đầm lầy. Từ trên núi cao nhìn xuống Bạch Bát như một đầm sen trắng đẹp, nên gọi là *Bạch Liên* nghĩa là *Sen Trắng*. Sách *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc kỳ* của Ngô Vi Liên ấn hành năm 1928 cho biết: “Tổng Bạch Liên có các xã: Bạch Liên, Bình Hào, Bồ Xuyên, Hoàng Trạch, Lạc Hiên, Mã Triều, Trinh Nữ, Trường Khê và Yên Diên”⁽¹²⁾.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, chính quyền cách mạng xóa bỏ cấp tổng, phủ, lập đơn vị hành chính cơ sở cấp xã,

5. Cuộc khai quật này do một nhóm hỗn hợp các nhà khảo cổ học của Việt Nam, Nhật Bản và Úc tiến hành từ tháng 12/2004 đến ngày 15/3/2005.

6. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1996, tập 3, tr.238.

7. Tài liệu chép tay do ông Phạm Thanh Song chép lại từ tài liệu của ông Đỗ Văn (tức Vũ Duy Khiêm), được ông Phạm Quang Thiện cung cấp.

8. Theo sách *Đại Nam nhất thống chí*: huyện Yên Mô từ thời nhà Hồ về trước gọi là Mô Độ, thời thuộc Minh mới gọi là Yên Mô, châu Trường Yên, phủ Kiến Bình. Thời vua Lê Thái Tông, niên hiệu Thiệu Bình (1434-1439), thuộc phủ Trường Yên, Thanh Hoa. Thời Lê Hồng Đức (1470-1497), phủ Trường Yên chuyển về Sơn Nam thừa tuyên. Thời nhà Mạc (1527), gọi là Thanh Hoa ngoại trấn. Nhà Lê trung hưng (1533), gọi là Thanh Hoa ngoại. Năm Gia Long thứ 5 (1806), đổi thành đạo Thanh Bình. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), đổi thành đạo Ninh Bình, năm thứ 10 đổi thành trấn và năm thứ 12 (1831) là tỉnh Ninh Bình.

9. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1996, tập 3, tr.239.

10. *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỉ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1981, tr.119.

11. Địa bạ bằng chữ Hán, chép tay, 82 trang, khổ 32x22, kí hiệu AG.a4/33, lưu trữ tại Viện Hán Nôm.

12. Ngô Vi Liên. *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1999, tr.99.

phường. Năm 1946, hai làng Bạch Liên và Bồ Xuyên hợp thành xã Đại Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Ngày 15 tháng 4 năm 1949, Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh Ninh Bình ra quyết định hợp nhất ba xã Đại Thành, Đại Đồng và Yên Tế thành xã Yên Thành. Năm 1956, xã Yên Thành chia làm hai xã Yên Đồng và Yên Thành. Xã Yên Thành có địa giới hành chính như xã Đại Thành năm 1946, gồm hai là Bạch Liên và Bồ Xuyên.

Xã Yên Thành ở phía Tây Nam huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, phía Đông giáp các xã Yên Mỹ, Yên Mạc và Yên Thái, phía Tây giáp thị xã Tam Điệp và xã Yên Thắng, phía Tây Bắc giáp xã Yên Hòa, cả xã có 15 thôn, diện tích tự nhiên 8,74 ha, phần lớn là đồi núi, dân số trên 6.000 người, trong đó 517 người theo đạo Công giáo tập chung chủ yếu ở họ trị sở Bạch Liên và họ đạo lẻ Giang Khương⁽¹³⁾.

Bạch Liên - một vùng đất cổ, một làng nghề truyền thống và một mảnh đất giàu truyền thống yêu nước cách mạng

Làng Bạch Liên nằm dưới chân dãy Tam Điệp hùng vĩ và lịch sử. Nơi đây có nhiều di tích lịch sử đã được sử sách ghi lại, như núi Chiếu Bạc (hay núi Mán Bạc)⁽¹⁴⁾, núi Phượng, sông Hồ Hà, kênh đào nhà Lê, điểm khởi đầu của đê Hồng Đức⁽¹⁵⁾. Xung quanh làng Bạch Liên có nhiều ngọn núi bao bọc tạo thành bức tường thành vững chắc, như núi Cổ Rùa ở phía Đông (dân địa phương quen gọi là núi Ông Mo), núi Cánh Phượng (dân địa phương gọi là núi Lè Lè) ở phía Tây, núi Chiếu Bạc hay núi Mán Bạc (dân địa phương gọi là núi Long) ở phía Tây Bắc và núi Lân (dân địa phương gọi là núi Ông Vầu) ở phía Đông Bắc.

Phía Tây Bắc làng Bạch Liên có sông Trinh Nữ bắt nguồn từ đầm Đàm Khánh, đến thôn Bồ Xuyên chia làm hai nhánh,

một nhánh chạy ra sông Đáy, một nhánh nhập vào sông Hồ Hà (còn gọi là sông Bồ Xuyên) qua thôn Yên Duyên đổ vào sông Càn. Xưa kia, làng Bạch Liên còn có một nhánh của khe Đàm Giang chạy qua, nhưng đoạn sông này đã bị bồi lấp thành đồng ruộng chỉ còn lại một số dấu tích⁽¹⁶⁾.

Nằm trên một khu vực có cốt đất khá cao, rộng và bằng phẳng, nên Bạch Liên đã sớm được người Việt cổ chọn làm nơi định cư, lập nghiệp để tiến về chinh phục vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Tại di chỉ Mán Bạc các nhà khảo cổ học đã phát hiện một khu mộ cổ có hàng chục mộ táng với nhiều hài cốt cùng nhiều đồ tùy táng là di vật quý về đồ gốm sứ, như bình, lọ, đồ trang sức đã khẳng định, vào cuối thời kì Phùng Nguyên, đầu thời kì Đông Đậu, cách ngày nay khoảng 3.500 đến 4.000 năm nơi đây có một nhóm khá đông người Việt cổ định cư. Cư dân Bồ Bát khi đó đã chuyển từ nghề săn bắt hái lượm sang nghề nông nghiệp trồng lúa nước và chăn nuôi, đặc biệt nghề đồ gốm rất phát triển.

Đến thế kỉ X, nghề làm gốm sứ ở Bồ Bát đã phát triển đạt đến trình độ cao, tinh xảo nổi tiếng khắp vùng. Chính vì vậy, nhiều sản phẩm đồ gốm sứ như bát đĩa,

13. *Lịch sử Đảng bộ xã Yên Thành (1945-2000)*, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Yên Thành xuất bản năm 2005, tr.5-7.

14. Sách *Việt sử Thông giám Cương mục* chép năm Kiến Trung thứ 17 đời (1248), đời vua Trần Thái tông, Trần Thủ Độ sai người yểm trạch núi Chiếu Bạc phải chăng là núi này?

15. Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết: “Đê Hồng Đức ở địa phận huyện Yên Mô, đắp từ năm Hồng Đức thứ hai (1471), từ bờ phía bắc đến bờ phía nam cửa Càn đắp đê đá, từ bờ phía bắc cửa Thần Phù đến bờ phía nam sông Bông Hải đắp đê đất, để ngăn nước mặn, gọi là đê Hồng Đức, nay vẫn còn”. Điểm khởi đầu của đoạn đê đắp bằng đá xuất phát từ làng Bạch Liên.

16. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*, Sđd, tr. 262.

ấm chén của Bồ Bát đã được tiến cống cho triều đình nhà Đinh (968-979), nhà Tiền Lê (981-1009). Tương truyền, năm 1010 vua Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long đã đưa hầu hết những người thợ lành nghề của làng gốm Bát Cống ra kinh thành. Chính sau cuộc thiên di với số lượng lớn này đã làm cho nghề làm gốm sứ ở Bạch Liên dần dần bị mai một, thất truyền. Vào thế kỉ XIII, có thể một số gia đình thuộc các dòng họ Phạm, Vũ, Lê, Đinh và họ Trần⁽¹⁷⁾, gốc Bồ Bát được di dời ra kinh thành Thăng Long vào thời Lý đã đến lập nên làng gốm sứ Bát Tràng nổi tiếng. Đôi câu đối ở cổng đình làng Bát Tràng cho thấy nghề gốm ở đây có nguồn gốc từ Bồ Bát.

Bồ di thủ nghệ khai đình vũ

Ngát dạ hương lan bá thánh thân

Nghĩa là nghề gốm từ làng Bồ Bát truyền ra đây, xây được ngôi đình này. Lòng dân như hương lan thơm ngát, tạ ơn tiên nhân. Đến nay nghề gốm sứ Bát Tràng phát triển nức tiếng khắp nơi. Ngày nay, nhiều gia đình ở Bát Tràng, trong đó có dòng họ Phạm trở về cố hương Bạch Liên để cúng giỗ tổ tiên, nhận lại anh em, họ hàng.

Sau nhiều thế kỉ bị thất truyền, thời gian gần đây nghề làm đồ gốm mỹ nghệ ở Bạch Liên đã được khôi phục do chính những người thợ Bát Tràng truyền lại. Tuy nhiên, hiện nay mới chỉ có gia đình ông Phạm Văn Lại (cháu họ Linh mục Phạm Bá Trục) làm nghề này. Sản phẩm gốm sứ Bạch Liên hiện nay còn ít, chủ yếu cung cấp cho Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử và một số cửa hàng gốm sứ ở Hà Nội.

Không chỉ là một làng nghề gốm sứ nổi tiếng một thời, Bạch Liên nói riêng, xã Yên Thành nói chung còn là một mảnh đất giàu truyền thống yêu nước cách

mạng. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp (1949-1954), Yên Thành trở thành khu du kích vững chắc, là cơ sở cách mạng nuôi giấu cán bộ, bộ đội và du kích huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, xã Yên Thành có 108 liệt sĩ, 1 Mẹ Việt Nam anh hùng. Năm 2005, xã Yên Thành đã vinh dự được Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý: *Anh hùng lực lượng vũ trang trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp*. Phát huy truyền thống anh hùng của quê hương, ngày nay Đảng bộ và nhân dân Yên Thành đã và đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”.

Bạch Liên-một trong những cái nôi của Công giáo ở địa phận Tây Đằng Ngoài trước đây cũng như địa phận Phát Diệm ngày nay

Qua các nguồn sử liệu đáng tin cậy, có thể khẳng định, Bạch Liên là một trong những nơi đầu tiên ở Ninh Bình cũng như ở Bắc Bộ theo đạo Công giáo do thừa sai Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ) truyền bá năm 1627. Trong cuốn: *“Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài”*⁽¹⁸⁾, Thừa sai Đắc Lộ cho biết: ngày 19/3/1627, ông và Thừa sai Marquez đến Cửa Bạng (nay thuộc giáo

17. Theo tài liệu: *Kỉ niệm 100 năm xây dựng nhà thờ Bạch Liên (1906-2006)*. Vào thế kỉ XIII, có 6 gia đình rời bỏ quê hương Bát Cống ra lập nên làng gốm Bát Tràng. Theo chúng tôi, điều này có thể không đúng. Vì nếu chỉ có 6 gia đình bỏ làng ra đi thì nghề gốm sứ truyền thống lâu đời của Bát Cống chưa chắc đã bị thất truyền, mai một mà phải là một cuộc di dịch cư lớn với hầu hết những thợ lành nghề thì mới có thể dẫn đến hiện tượng này.

18. Alexandre de Rhodes. *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*. Tủ sách Đại kết, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, xuất bản, 1994.

xứ Ba Làng, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa). Sau đó ít ngày, chúa Trịnh Tráng cho người đưa họ đến gặp chúa ở cửa biển Thần Phù. Trong thời gian hai tháng ở cửa Thần Phù đợi chúa đi đánh chúa Nguyễn trở về Thăng Long, các thừa sai truyền giáo được 200 người ở một số làng trong khu vực. Trong đó, có một nhà sư có tên thánh là Gioankim ở làng Kẻ No đã hiến một miếng đất xây dựng ngôi nhà thờ, khánh thành ngày 3 tháng 5; người coi ngôi đền trên núi ở làng An Vực, có tên thánh là Gioan và vợ ông ta có tên thánh là Lina; hầu hết dân làng An Vực đều theo đạo. Trong cuốn sách này, Đắc Lộ đã đề cập tới một số địa danh, như làng *No*, *Kẻ No*, *Văn No*, *Kẻ Bò*, *Kẻ Do*, *Kẻ Vó*, *An Hải*, *An Vực* cần được xác định.

Về địa danh *No*, *Kẻ No*, *Văn No* đến nay đã được nhiều nhà nghiên cứu khẳng định là làng Hiếu Nho nay Hảo Nho. Đây là địa bàn đầu tiên ở tỉnh Ninh Bình theo đạo Công giáo và là nơi có nhà thờ đầu tiên ở miền Bắc do ông Gioankim hiến đất xây dựng, như Thừa sai Đắc Lộ đã đề cập đến. Xứ đạo Hảo Nho nay thuộc xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Trước năm 1854, gọi là xứ Thần Phù. Hiện nay ở địa phương vẫn còn truyền tụng câu ca dao:

Thứ nhất Tòa Thánh Phapha

Thứ nhì Cửa Bạng, thứ ba Thần Phù

Nghĩa là Công giáo xuất phát từ Tòa Thánh Rôma, được truyền sang Cửa Bạng trước tiên, rồi đến Thần Phù. Trong “Hồi ức” năm 1904, giám mục tiên khởi địa phận Phát Diệm, Marcou (có tên Việt là Thành), khẳng định: “Hảo Nho là một xứ đạo đầu tiên của Bắc Việt, được cha Alexandre de Rhodes, dòng Tên, vị tông đồ thứ nhất của xứ này thành lập vì Ngài đã tới đây, ở lại nhiều tháng, năm 1627”⁽¹⁹⁾.

Về địa danh *An Vực*, hiện nay vẫn còn một số ý kiến khác nhau. Nhà nghiên cứu Boudet cho rằng, làng An Vực ở gần cầu Hàm Rồng, cách thành phố Thanh Hóa khoảng 5 km về phía bắc, vì ở đó có một họ đạo tên là Yên Vực (An Vực). Nhưng giả thiết này đã bị Thừa sai Poncet (có Chính Thảo) là người hoạt động lâu năm ở Phát Diệm và Thanh Hóa bác bỏ. Thừa sai Poncet cho rằng, ở gần Hàm Rồng không có cánh đồng nào rộng lớn và họ đạo Yên Vực cũng mới có từ thời Gia Long, đến năm 1942 có khoảng 50 tín đồ. Ông khẳng định: cảng mà nhà vương chọn cho các thừa sai ở đó chờ ông trở về Thăng Long là Thần Phù, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Ở đây có ngôi đền trên ngọn núi thờ Lê Niệm, cháu vua Lê Lợi, người đã tổ chức đắp đê Hồng Đức từ cửa Thần Phù đến sông Đáy, nơi mà chúa Trịnh Tráng dừng chân để cúng tế⁽²⁰⁾. Năm 1934, Thừa sai Schlotterbek (có Tuấn), Giám đốc Đại chủng viện Phát Diệm và năm 1951 Linh mục Trần Ngọc Thụ cùng một số giáo dân kỳ cựu ở giáo xứ Hảo Nho đã khảo sát thực địa và khẳng định: khu vực làng An Vực là một mảnh đất ở cuối rặng núi Bằng, gần làng Phượng Trì, huyện Yên Mô, hơi chếch về phía đông - bắc Thần Phù, Hảo Nho⁽²¹⁾. Tuy nhiên, cả Thừa sai Schlotterbek và Linh mục Trần Ngọc Thụ đều không cho biết làng An Vực là làng nào hiện nay.

Có ý kiến cho rằng, An Vực chính là làng Bạch Liên ngày nay. Vì năm 1585, đê Hồng Đức vỡ, nước xoáy tạo thành một cái vực lớn nên làng Bạch Bát đổi thành

19. Dẫn theo Trần Ngọc Thụ. *Lịch sử địa phận Phát Diệm (1901-2001)*, sđd, tr.15.

20. Trương Bá Cấn (chủ biên). *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam*, tập II, Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 135, 2006, tr. 97-98.

21. Trần Ngọc Thụ. *Lịch sử địa phận Phát Diệm (1901-2001)*, Rôma, 2001, tr. 21.

làng An Vực. Đến năm 1668, làng An Vực đổi thành làng Bạch Bát. Theo chúng tôi, giả thiết này không có cơ sở. Bởi vì, mặc dù ở Bạch Liên cũng có một địa danh là *Vực Ông* do đoạn đê Hồng Đức nằm giữa núi Mán Bạc và núi Cánh Phượng vỡ tạo thành. Song, trên núi Mán Bạc và núi Cánh Phượng không giống hình kim tự tháp như Đắc Lộ đề cập tới. Mặt khác, ở Bạch Liên không có cánh đồng nào rộng lớn, lại nằm khá xa cửa biển Thần Phù.

Theo chúng tôi, giả thiết của Linh mục Trần Ngọc Thụ trong cuốn *Lịch sử địa phận Phát Diệm* là có cơ sở. Bởi vì, trên đỉnh núi cuối rặng núi Bằng hiện nay vẫn còn một ngôi miếu. Dưới chân núi là một bãi rộng lớn đã trở thành cánh đồng. Tại khu vực này hiện vẫn còn một cái đầm gọi là An Vực. Rất có thể làng An Vực mà Đắc Lộ nhắc tới là làng Trinh Nữ. Hiện nay ở làng Trinh Nữ có một họ đạo nhỏ thuộc giáo xứ Bạch Liên. Tuy nhiên, đây mới chỉ là sự phỏng đoán của chúng tôi, cần phải xác minh thêm.

Về địa danh *Kẻ Bò*, *Kẻ Do* hay *Kẻ Vó* được xác định là Chợ Bò “một làng ở về phía Bắc xã Như Sơn, một bên là Nam Biên, một bên là sông Đáy, tương đương với Hiếu Thuận ngày nay. Gọi là Chợ Bò là vì nơi đây tập trung các lái buôn bò từ Ninh Bình xuống và từ Nam Định trở sang”⁽²²⁾. Chợ Bò hay Trại Bò, nay thuộc giáo xứ Hiếu Thuận, xã Khánh Mậu, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Làng Yên Duyên là nơi đầu tiên của giáo xứ Bạch Liên theo đạo do thừa sai Đắc Lộ truyền giáo vào năm 1627. Trong *Hồi ức* của mình, Giám mục Marcou Thành cho biết, “trong thời gian chờ đợi chúa Trịnh vào Nam đánh chúa Nguyễn trở về Thăng Long, các thừa sai đã ở lại mấy tháng trong khu vực cửa Thần Phù (nay thuộc giáo xứ Hảo Nho), để truyền

giáo và Thừa sai Đắc Lộ đã đến một mảnh đất gọi là Yên Duyên, gần cửa Thần Phù, đối diện với dãy núi thuộc huyện Nga Sơn, Thanh Hóa. Yên Duyên lúc đó thuộc hạt Hảo Nho, nay là một họ đạo thuộc xứ Bạch Liên, cách trung tâm xứ Bạch Liên chừng 6 km về phía nam. Cha Đắc Lộ đã xây dựng một nhà thờ đầu tiên trên Miền Bắc là Hảo Nho (1627)”⁽²³⁾.

Như vậy, Bạch Liên là một trong những nơi có đạo đầu tiên ở miền Bắc, ngay từ thời thừa sai Đắc Lộ, năm 1627. Trong giai đoạn từ năm 1631 đến năm 1663, nhiều thừa sai dòng Tên đã được cử đến Đàng Ngoài. Trong đó, các thừa sai như Fontes, Coelho, Rangel được cử coi sóc xứ Thanh, gồm tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa ngày nay. Năm 1634, xứ Thanh có 2.441 tín đồ. Năm 1647, xứ Thanh có 30 nhà thờ và 29 nhà nguyện⁽²⁴⁾.

Đầu thời các Đại diện Tông tòa người Pháp, một số Linh mục người Việt đã được cử đến coi sóc xứ Thanh (Ninh Bình và Thanh Hoá). Năm 1669, Linh mục Huệ thuộc Hội Thừa sai Paris được cử coi sóc xứ Thanh, trụ sở đặt tại Kẻ Vó (Hiếu Thuận, Yên Khánh). Năm 1670, Linh mục Philippe Nhân ở Kẻ Vó và Linh mục Vito Trí ở Hảo Nho. Năm 1671, Linh mục Trí được điều vào Nghệ An, khu vực Hảo Nho do Linh mục Nhân phụ trách. Năm 1672, Linh mục Nhân bị đầu độc chết. Năm 1673, Linh mục Quế được cử coi sóc xứ Hảo Nho. Tuy nhiên, từ cuối thế kỉ XVII (1669) cho đến cuối thế kỉ XVIII, khu vực Ninh Bình chủ yếu do các giáo sĩ dòng Tên phụ trách⁽²⁵⁾.

22. Trần Ngọc Thụ. *Lịch sử địa phận Phát Diệm (1901-2001)*, Roma, 2001, tr.18.

23. *Kỷ niệm 100 năm xây dựng nhà thờ Bạch Liên (1906-2006)*, Tlđđ.

24. Trương Bá Cần (chủ biên). *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam*, tập II, số 135, 2006, TLđđ, tr.101.

25. Trương Bá Cần (chủ biên): *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam*, tập II, số 135, 2006, TLđđ, tr.102-103.

Theo tài liệu *Kỷ niệm 100 năm xây dựng nhà thờ Bạch Liên*, năm 1674 ở “Bạch Liên đã có một cộng đoàn tín hữu đông đảo, có nhà thờ do cha Duyệt coi sóc”⁽²⁶⁾. Nhưng trong số 25 Linh mục người Việt ở Đàng Ngoài được thụ phong trong thế kỷ XVII, không có vị nào tên là Duyệt. Do vậy, có thể đây là tên tiếng Việt của một vị thừa sai. Trong báo cáo của Thừa sai Guisain ngày 4/9/1701, có đề cập tới một số nhà thờ như Kẻ Do, Kebat, Langbat, An Van, Phuc Nhạc, Co da (Cổ Đà), Than Phu,... do các giáo sĩ dòng Tên coi quản⁽²⁷⁾. Phải chăng Kebat chính là làng Bạch Bát, còn Langbat là làng Bát Dạng?

Hiện nay vẫn còn một số ý kiến khác nhau về thời điểm thành lập giáo xứ Bạch Liên. Theo *Bảng gia tộc các xứ thuộc địa phận Phát Diệm* do Linh mục Phạm Hùng Sỹ lập năm 1995, thì xứ đạo Bạch Liên được thành lập năm 1764 và là xứ đạo đầu tiên của giáo phận Phát Diệm. Tuy nhiên, cuốn *Lịch sử địa phận Phát Diệm* của Linh mục Trần Ngọc Thụ và tài liệu *Kỷ niệm 100 năm xây dựng nhà thờ Bạch Liên*, lại cho rằng, giáo xứ Bạch Liên thành lập năm 1792, được tách ra từ xứ Hảo Nho, do Linh mục Thủ coi sóc.

Bạch Liên là nơi đầu tiên của giáo phận Phát Diệm lập cơ sở nhà dòng Mến Thánh giá. Năm 1749, dòng Mến Thánh giá⁽²⁸⁾ Bạch Bát được thành lập, gọi là nhà Mụ *Bạch Cát* hay *Bạch ác*. Đầu thế kỷ XIX, nhà dòng này có 8 nữ tu, một nhà nuôi trẻ mồ côi⁽²⁹⁾. Năm 1954, nhà dòng bị máy bay Pháp ném bom phá hoại, hầu hết nữ tu di cư vào Nam, chỉ còn hai nữ tu cao tuổi ở lại. Đến năm 1963, khi nữ tu cuối cùng qua đời thì nhà dòng Mến Thánh giá Bạch Liên cũng ngừng hoạt động.

Theo báo cáo của các thừa sai Pháp, năm 1753 huyện Yên Mô có 42 làng có

đạo, 5.229 tín đồ. Năm 1769, Hội Thừa sai Paris bàn giao cho Dòng Tên cai quản 1.264 tín đồ ở huyện Yên Mô⁽³⁰⁾. Tuy nhiên, tư liệu trên không cho biết 42 làng đó là những làng nào và số giáo dân được các thừa sai Pháp trao cho dòng Tên cai quản thuộc làng xã nào. Cho đến cuối thế kỷ XVIII, xứ Bạch Liên do các thừa sai dòng Tên coi sóc. Thực tế cho thấy, xứ đạo Bạch Liên và các họ đạo lẻ đều nhận thánh Phaxicô Xaviê-vị thừa sai dòng Tên nổi tiếng ở vùng Viễn đông làm thánh quan thầy của mình. Đầu thế kỷ XIX, giáo xứ Bạch Liên mới trao lại cho các Linh mục thuộc Hội Thừa sai Paris cai quản.

Bạch Liên là một giáo xứ quan trọng của địa phận Tây Đàng Ngoài, thường xuyên có linh mục coi sóc. Kể từ năm 1674 đến nay (2009), đã có 28 vị linh mục coi sóc giáo xứ này. Bạch Liên là nơi hai vị thánh tử đạo là Linh mục Phaolô Lê Bảo Tịnh và Linh mục Laurensô Nguyễn Văn Hưởng từng ở hoặc coi sóc mục vụ. Tương truyền, khoảng năm 1815, Phaolô Lê Bảo Tịnh đã ẩn tu tại Bạch Bát, trước khi được thụ phong linh mục và tử đạo (6/4/1857). Trước khi thụ phong linh mục, Laurensô Nguyễn Văn Hưởng đã giúp xứ Bạch Bát 8 năm và sau khi thụ phong, ông được cử coi sóc xứ Bạch Bát 5 năm (1816-1821), sau đó tử đạo (27/4/1856).

Bạch Liên còn là cái nôi sinh ra nhiều giáo xứ ở địa phận Phát Diệm. Cuối thế

26. *Kỷ niệm 100 năm xây dựng nhà thờ Bạch Liên (1906-2006)*, Tlđđ.

27. Trương Bá Cần (chủ biên): *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam*, tập II, số 135, 2006, TLđđ, tr.104.

28. Dòng Mến Thánh giá do giám mục Lambert lập năm 1670 tại Bái Vàng (Hà Đông) và Trung Linh (Nam Định).

29. *Lịch sử địa phận Phát Diệm*, Sđ d, tr.313.

30. Trương Bá Cần (chủ biên). *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam*, tập II, số 135, 2006, TLđđ, tr.104-105.

kỉ XVIII, xứ Bạch Bát bao gồm một vùng rộng lớn, toàn bộ khu vực phía Bắc huyện Yên Mô và huyện Gia Viễn (phiên Đồng Chùa), Nho Quan (phiên An Ngải), Hoa Lư (phiên Thiện Dưỡng), nhà thờ xứ đặt tại Bạch Bát. Năm 1838, Đồng Chùa tách ra thành lập xứ đạo riêng. Theo báo cáo ngày 23/7/1839 của Giám mục Retord (Liêu), giáo xứ Bạch Bát có 3.000 giáo dân. Năm 1849, có 37 hộ đạo, 3.483 giáo dân và năm 1854 xứ Bạch Bát có 34 hộ đạo, 3937 giáo dân⁽³¹⁾.

Đến cuối thế kỉ XIX, Bạch Liên vẫn còn là một vùng rộng lớn, chia làm bốn phiên, 3.798 giáo dân⁽³²⁾. Năm 1898, giám mục địa phận Tây Đàng Ngoài, Gendreau Đông tách phiên thứ 3 thành lập xứ Thiện Dưỡng. Năm 1901, giám mục địa phận xứ Thanh, Marcou Thành tách phiên thứ 4 thành lập xứ An Ngải. Năm 1910 xứ Yên Thổ, năm 1914 xứ Quảng Nạp, năm 1921 xứ Bình Hải và năm 1934, xứ Quảng Phúc được tách ra từ xứ Bạch Liên⁽³³⁾.

Bạch Liên là nơi cung cấp nhiều giáo sĩ cho địa phận Tây Đàng Ngoài (Hà Nội) cũng như Phát Diệm sau này. Trước năm 1954, giáo xứ Bạch Liên có 7 người được thụ phong linh mục, trong đó có Linh mục Phêrô Phạm Bá Trực. Hiện nay, còn một số linh mục quê ở Bạch Liên đang làm mục vụ ở các tỉnh phía Nam.

Bạch Liên là nơi có nhà thờ được xây dựng khá sớm. Năm 1672, một nhà thờ đầu tiên được xây dựng bằng đá, 5 gian, lợp dạ. Từ năm 1904-1906, nhà thờ xứ Bạch Liên được xây dựng với quy mô khá lớn theo lối kiến trúc gothique, nhiều hoa văn tinh xảo. Bên cạnh là khu nhà xứ, có nhà giáo lí, nhà cho linh mục ở, nhà giúp việc, nhà tập và các công trình phụ cận khác. Năm 1954, nhà thờ bị thực dân Pháp ném bom làm hư hại một số công trình. Gần đây, nhà thờ Bạch Liên đã

được trùng tu, làm lại vòm tháp chuông. Năm 2006, đặt pho tượng thánh Phanxicô Xavie, thánh quan thầy của giáo xứ Bạch Liên bằng đá cẩm thạch nguyên khối, cao 3 mét, nặng 3.800 kg, do ông Phạm Quang Thiện (cháu họ Linh mục Phạm Bá Trực) tiến cúng.

Năm 1954, giáo xứ Bạch Liên có 189 hộ, 860 tín đồ, nhưng đã có 142 hộ, 625 người di cư đi Nam, chỉ còn 47 hộ với 235 tín đồ ở lại. Hiện nay, giáo xứ Bạch Liên có 6 giáo họ, gồm họ Trị Sở, họ Ba Mười, họ Yên Duyên, họ Cát Đằng, họ Giang Khương và họ Trinh Nữ, 768 tín đồ.

2. Dòng họ

Cho đến nay, chưa có tư liệu để xác minh nguồn gốc dòng họ Phạm ở Bạch Liên từ đâu di cư tới và vào thời điểm nào. Theo tài liệu chép tay của ông Phạm Thanh Long⁽³⁴⁾ cho biết: vào thời Hùng vương thứ 18, Bồ Bát có khoảng 30 hộ, thuộc 6 dòng họ, gồm họ Phạm, họ Vũ, họ Đinh, họ Lê và họ Trần sinh sống. Tuy nhiên, vào thời Hùng vương người Việt chưa có dòng họ theo đúng nghĩa của nó. Có lẽ các dòng họ này, trong đó có họ Phạm xuất hiện vào thiên niên kỉ thứ nhất sau Công nguyên. Hiện nay, họ Phạm ở Bạch Liên là thành viên của dòng họ Phạm Việt Nam. Đây là một trong những dòng họ lớn ở nước ta, có nhiều chi nhánh. Trong đó, có một chi nhánh ở xã Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội; một chi nhánh ở xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; một chi nhánh ở Thái Thụy, Thái Bình. Chi họ Phạm ở làng Bát

31. Trương Bá Cẩn (chủ biên). *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam*, tập II, số 135, 2006, TLdd, tr.111-112.

32. *Sách thuật lại các thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài*, In tại Kẻ Sở, 1908, tr.18.

33. Linh mục Trần Hùng Sỹ. *Bảng gia tộc các xứ thuộc giáo phận Phát Diệm*.

34. Tư liệu do ông Phạm Quang Thiệu cung cấp.

Tràng (Gia Lâm, Hà Nội), có nguồn gốc từ làng Bạch Liên, di cư tới vào thế kỉ XIII.

Họ Phạm là một trong những dòng họ có mặt khá sớm lại Bạch Liên. Trong số những người thợ gốm được Lý Công Uẩn đưa ra kinh thành Thăng Long vào thế kỉ XI, có dòng họ Phạm. Sau đó, vào thế kỉ XIII, họ Phạm cùng một số dòng họ khác đã đến lập nên làng gốm Bát Tràng. Hiện nay, con cháu dòng họ Phạm ở Bát Tràng đã về nhận lại tổ tiên ở Bạch Liên. Tại sườn phía đông núi Cánh Phượng (tức núi Lè Lè), có một khu vực mà dân địa phương gọi là *Mán họ Phạm* vẫn còn hai ngôi mộ từ thế kỉ XIV và XV. Ngôi mộ tổ thế kỉ XV được xác định là của cụ Phạm Tảo Linh. Họ Phạm ở Bạch Liên là một trong những dòng họ lớn, có truyền thống khoa bảng, nhiều người đỗ đạt. Đến cuối thế kỉ XVIII, dòng họ Phạm ở Bạch Liên mới theo đạo Công giáo. Việc họ Phạm cũng như cả làng Bạch Bát theo đạo Công giáo là một câu chuyện thú vị.

Theo *Tờ trình của xứ Bạch Liên năm 1918*, vào cuối thế kỉ XVIII, dưới thời các giáo sĩ dòng Tên, xã Bạch Bát có bốn thôn, nhưng chỉ có một thôn theo đạo. Khi đó, làng Bạch Bát vẫn chưa theo đạo, có đình, chùa, bốn xóm, gồm xóm đình, xóm Giữa, xóm Đông và xóm Tây. Tờ trình trên kể lại câu chuyện hi hữu và lí thú, rằng: vào khoảng năm 1788, thời vua Quang Trung, có một sĩ tử đi thi không đỗ, anh vào nhà thờ họ đạo Hoàng Mai, tổng Dương Vũ, tỉnh Ninh Bình (nay là xứ Hoàng Mai, địa phận Phát Diệm)⁽³⁵⁾, khi đó thuộc các thừa sai dòng Tên coi sóc, cầu xin Đức Mẹ. Nếu Đức Mẹ cầu bầu cho anh được thi đỗ, anh sẽ xin theo đạo và khuyên cả làng theo đạo. Quả nhiên, sau đó anh thi đỗ hương cống (tức cử nhân), nên gọi là ông Bát Cống. Ông Bát Cống xin theo đạo và tuyên truyền được cả làng Bạch Bát lúc đó có gần 800

người theo đạo. Về sau cũng có một người nữa đỗ hương cống, gọi là ông Cống Đương và thôn thứ hai theo đạo. Từ đó, làng Bạch Bát mới trở thành làng toàn tông Công giáo. Đất Bạch Bát trở nên một vùng “đất văn vật”, nổi tiếng là dân “khoa bảng”. Nhiều gia đình cũng tìm cách mua nhà cửa, ruộng đất về sinh sống tại Bạch Bát⁽³⁶⁾. Ở địa phương hiện vẫn lưu truyền bài thơ nói về việc ông Bát Cống và làng Bạch Liên theo đạo:

Đại Bạch Liên được hình tụng giang sơn
 Chung quanh dãy núi tự thành xây
 Nhân vật chính có cây Điều Tự?
 Vốn chân xuân trước vẫn tông lương
 Bởi vì ông Bát Cống mộ đương
 Để đến bây giờ (quê ta) có đạo
 Bởi vì ông Cống đi thi chưa đậu
 Khấn Đức Bà một đậu để ngày về
 Quyết chí nay tông giáo
 Khuyên bảo cháu con đi đạo Chúa Trời
 Vạy kể từ cha Duyệt là năm 1674.

Ông Bát Cống tên thật là Phạm Công, con ông Phạm Bằng, hậu duệ của dòng họ Phạm ở Bạch Bát. Từ khi ông Bát Cống theo đạo, thì dòng họ Phạm và cả làng Bạch Bát đều theo đạo⁽³⁷⁾. Bạch Bát trở

35. Xứ Hoàng Mai lập năm 1934, nay thuộc xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

36. Trần Ngọc Thụ. *Lịch sử địa phận Phát Diệm*, Sđd, tr.314.

37. Trước khi đạo Công giáo du nhập tới, phần lớn cư dân Bạch Bát, trong đó có hồng họ Phạm theo Phật giáo và tín ngưỡng truyền thống. Theo dân địa phương kể lại, ở đầu phía tây núi Cánh Phượng (tức núi Lè Lè), trước đây có một ngôi miếu thiêng. Tương truyền, cứ vào ngày mùng một, ngày rằm Âm lịch hằng tháng có một con rắn thần, đầu có mào đỏ, to và dài từ núi Mán Bạc (núi Rồng) bò qua cánh đồng về châu ở ngôi miếu này. Giữa làng có một ngôi chùa, gọi là Chùa Bát. Tại phía nam núi Cổ Rùa (núi Ông Mo) cũng có một ngôi chùa gọi là Chùa Mo. Phía đông bắc của làng có một ngôi đình xây dựng bằng đá xanh, lợp tranh. Song tất cả các công trình tín ngưỡng này đã không còn sau khi Công giáo du nhập tới.

thành một vùng đất thiêng nổi tiếng trong vùng. Từ Bạch Liên, một số gia đình theo đạo thuộc dòng họ Phạm chuyển cư đến nhiều nơi. Trong đó, một số người đến làng Bình Hào (một số sách viết sai là Bình Hòa), lập lên họ đạo Cầu Mễ, thuộc giáo xứ Quảng Nạp, địa phận Phát Diệm, sau này có Hồng y, Tổng giám mục Hà Nội, Phạm Đình Tụng. Một số gia đình chuyển cư đến xứ đạo Phúc Nhạc, Yên Khánh. Một số gia đình chuyển cư đến Cẩm Thủy, Thanh Hóa. Hiện nay, ở Bạch Liên chỉ còn lại chi họ Phạm của Linh mục Phêrô Phạm Bá Trục đều theo đạo Công giáo.

Theo gia phả, ông Phạm Công (Bát Cống) có hai người con là Phạm Bình và Phạm Điều, đều theo đạo Công giáo. Ông Phạm Bình sinh được bốn người con là Phạm Tĩnh (1892), Phạm Bá Trục (1898), Phạm Toàn (1901) và Phạm Đình Quyền (1911). Ông Phạm Điều có ba người con, gồm Phạm Đễ, Phạm Thư và Phạm Quyết.

Dù theo đạo Công giáo, song dòng họ Phạm ở Bạch Liên vẫn giữ truyền thống Nho học và là một dòng họ gia thế cả trong đạo cũng như ngoài đời ở đất Bạch Bát. Ông Phạm Bình là một nhà nho, làm quan (gọi là Cai Bình). Ông Phạm Tĩnh (anh trai Linh mục Phạm Bá Trục) làm chánh tổng Bạch Liên và là chánh trường xứ Bạch Liên. Gia đình Hồng y Tổng giám mục Hà Nội Phạm Đình Tụng ở thôn Bình Hào (xã Yên Thắng, huyện Yên Mô) là con cháu cụ Phạm Tĩnh, gọi Linh mục Phạm Bá Trục bằng chú. Ông Phạm Toàn (em trai Linh mục Phạm Bá Trục) mặc cũng có “ơn gọi” theo con đường tu hành, nhưng không thành⁽³⁸⁾. Ông Phạm Đình Quyền (em trai Linh mục Phạm Bá Trục) lấy bà Hoàng Thị Hoa con ông Hoàng Văn Tường bán thuốc bắc tại phố Thái Hà (Hà Nội), nhưng ông đã qua đời trước năm 1954⁽³⁹⁾.

Về Phạm Bá Trục, khi đang theo học tại Đại chủng viện thuộc giáo phận Tây Đàng Ngoài (Hà Nội), ông được chọn đi du học tại trường Truyền giáo Rôma. Ông là một trong những sinh viên Đại chủng viện thế hệ đầu tiên của giáo phận Hà Nội cùng các chủng sinh khác của một số giáo phận Việt Nam bấy giờ được đi học ở trường Truyền giáo Rôma và châu Âu theo chủ trương của Tòa Thánh⁽⁴⁰⁾. Sau 9 năm học tại trường Truyền giáo Rôma và ở Pháp, Phạm Bá Trục được thụ phong Linh mục (1925), đỗ ba bằng tiến sĩ triết học, luật học (giáo luật) và thần học, rồi trở về nước.

Khi về nước, Linh mục Phạm Bá Trục làm mục vụ tại xứ Kẻ Sét (nay là giáo xứ Thịnh Liệt, phường Giáp Bát, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội), sau đó giảng dạy ở chủng viện Hoàng Nguyên, rồi Kẻ Sở một thời gian. Khoảng năm 1929-1930, ông được điều về coi sóc xứ Khoan Vĩ (nay thuộc xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam), cho đến ngày Cách mạng

38. Tương truyền, khi đang học ở Đại chủng viện Hà Nội đến chức thầy sáu (phó tế), cụ Phạm Toàn về quê tham gia vụ kiện bảo vệ anh trai mình là cụ Phạm Tĩnh (khi đó đang làm chánh tổng Bạch Liên), nên bị đuổi khỏi chủng viện.

39. Sau năm 1954, gia đình bà Hoa di cư đi miền Nam, sau đó sang định cư tại Mỹ.

40. Trong cuốn: *Nhân vật Công giáo Việt Nam*, bản đánh máy, tr.530-531, Lê Ngọc Bích cho biết các chủng sinh cùng đi đợt này có Phạm Bá Trục, Phạm Quang Huấn (giáo phận Hà Nội), Đinh Ngọc San (giáo phận Phát Diệm), Ngô Đình Thục (giáo phận Huế), Nguyễn Đức Tín (giáo phận Qui Nhơn) và Lê Văn Chánh (giáo phận Sài Gòn). Ông cho rằng, Linh mục Phạm Bá Trục cùng đoàn chủng sinh Việt Nam đi Rôma vào những năm 1919-1920 và về nước vào khoảng năm 1929-1930. Nhưng theo Hồng y Phạm Đình Tụng, năm 1927 ông đã được nghĩa phụ Phạm Bá Trục đưa ra Hà Nội học tại trường tiểu học giáo xứ Kẻ Sét (nay là xứ Thịnh Liệt, phường Giáp Bát, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội), trường học mà Ngài mới lập nên trước đó ít lâu. Rất có thể Linh mục Phạm Bá Trục đi Rôma học vào năm 1916 và về nước năm 1925, sau khi đã được thụ phong Linh mục và đỗ ba bằng tiến sĩ.

tháng Tám thành công. Có lẽ chính thời gian du học ở Châu Âu, Phạm Bá Trực đã chịu ảnh hưởng tư tưởng tự do, dân chủ của nền văn hóa Phương Tây, nhất là tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái của Đại cách mạng tư sản Pháp, nên khi về nước ông nổi tiếng là người có tinh thần dân tộc, yêu nước, chống Pháp⁽⁴¹⁾. Trong giai đoạn 1930-1945, Linh mục Phạm Bá Trực vừa làm mục vụ, vừa tích cực tham gia hoạt động chống Pháp.

Trong cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, ngày 6 tháng 1 năm 1946, được sự đồng ý của Giám mục địa phận Hà Nội Fracois Chais (có tên Việt là Thịnh)⁽⁴²⁾, Linh mục Phạm Bá Trực ra ứng cử (tại địa bàn tỉnh Hà Nam) và trúng cử vào đại biểu Quốc hội Khóa I, được bầu làm Phó Trưởng ban Thường trực Quốc (tháng 5/1947) cho đến khi qua đời (5/10/1954). Cũng năm 1946, Linh mục Phạm Bá Trực cùng nhiều người khác tham ra sáng lập Hội Liên Việt và được bầu vào Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên Việt. Năm 1951, Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt thống nhất, Ngài được bầu làm Phó Chủ tịch Mặt trận Liên Việt. Linh mục Phạm Bá Trực còn là Ủy viên Trung ương Hội Việt Hoa hữu nghị. Mặc dù bận nhiều việc trong Quốc hội, Chính phủ và Mặt trận do Tổ quốc và nhân dân giao phó, song Linh mục Phạm Bá Trực vẫn chu toàn bốn phận mục vụ coi sóc giáo xứ của một vị chủ chăn. Trong những năm 1950, Linh mục Phạm Bá Trực đã từng coi sóc giáo xứ Kẻ Chuông (nay thuộc xứ Chuyên Mỹ, huyện Thường Tín, Hà Nội)⁽⁴³⁾ và một số giáo xứ ở chiến khu Việt Bắc.

Tinh thần “kính Chúa yêu nước” và cuộc đời hoạt động phụng sự tận tụy cho Thiên Chúa và Tổ quốc của Linh mục

Phạm Bá Trực là tấm gương khích lệ nhiều người Công giáo tham gia kháng chiến chống Pháp bất chấp sự cấm cản của giáo quyền khi đó. Tại giáo xứ Bạch Liên quê hương ông, trong những năm kháng chiến (1949-1954), mặc dù các thế lực phản động lợi dụng Công giáo hoạt động chống phá cách mạng rất ác liệt, song đồng bào Công giáo vẫn trung kiên một lòng theo cách mạng. Nhiều gia đình Công giáo đã trở thành cơ sở cách mạng nuôi giấu cán bộ, nhiều giáo dân tích cực tham gia kháng chiến, tiêu biểu như gia đình ông Trương Tỉnh (tức cụ Phạm Tỉnh, anh ruột Linh mục Phạm Bá Trực), ông Phạm Văn Đông⁽⁴⁴⁾ (cháu họ Linh mục Phạm Bá Trực), ông Đàm Văn Thước, Lã Văn Lực, Trần Văn Yên, Mai Văn Tiên. Chính vì vậy, năm 1950, bất chấp sự cấm cản của các thế lực thù địch lợi dụng Công giáo, chi bộ Đảng và chính quyền địa phương vẫn tổ chức cho bà con giáo dân trong giáo xứ Bạch Liên đọc và trao đổi nội dung bức thư của Hồ Chủ tịch gửi đồng bào Công giáo nhân dịp lễ Noel mừng Thiên Chúa giáng sinh. Điều đó càng làm cho đồng bào Công giáo thêm tin tưởng, gắn bó hơn với phong trào kháng chiến, cơ sở du kích trong vùng Công giáo Bạch Liên được mở rộng⁽⁴⁵⁾.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, các thế lực lợi dụng Công giáo dụ dỗ,

41. Có ý kiến cho rằng, sau khi nhận ba bằng tiến sĩ từ Rôma về nước, Linh mục Phạm Bá Trực được vua Khải Định tặng Bắc Đẩu Bội tinh, nhưng ông không nhận. Tuy nhiên, ý kiến này cần được kiểm chứng lại.

42. Bùi Đức Sinh. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam*, Nhà in Vertas Edition Calgary, Canada, 1998, tập 3, tr.253.

43. Bùi Đức Sinh. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr.258.

44. Gia đình ông Phạm Văn Đông là cơ sở nuôi giấu cán bộ và bản thân ông tham gia kháng chiến bị địch bắt giam tại nhà máy Chai Nam định đến ngày hòa bình lập lại mới được trả tự do. Sau này ông Đông làm Trưởng phòng Thủy lợi huyện Yên Mô.

45. *Lịch sử Đảng xã Yên Thành*, sđd, tr.45.

cưỡng ép đồng bào Công giáo di cư đi Nam. Trước tình hình ấy, mặc dù đang lâm bệnh nặng, song Linh mục Phạm Bá Trục vẫn viết bài đăng trên báo Cứu quốc kêu gọi đồng bào Công giáo chớ mắc mưu xấu của địch, không di cư, ở lại xây dựng quê hương⁽⁴⁶⁾. Lời kêu gọi của Ngài có tác động có tác động không nhỏ đến đồng bào Công giáo ở nhiều nơi⁽⁴⁷⁾. Vì vậy, thực dân Pháp và bè lũ tay sai đã tìm cách trả thù ông và dòng họ. Ngày 28 tháng 5 năm 1954, chúng cho máy bay ném bom đánh phá nhà thờ xứ Bạch Liên, nhà dòng Mến Thánh giá, gia đình ông Phạm Bình (thân phụ Linh mục Phạm Bá Trục) và nhiều gia đình khác ở giáo xứ Bạch Liên, giết hại nhiều người dân vô tội, trong đó có con cháu của gia đình Linh mục Phạm Bá Trục⁽⁴⁸⁾. Sau đó bị địch dụ dỗ, cưỡng ép, mặc dù đa số giáo dân ở xứ Bạch Liên hoảng sợ đã di cư đi Nam, song hầu hết con cháu dòng họ Phạm của Linh mục Phạm Bá Trục vẫn ở lại xây dựng quê hương, nhiều người tích cực tham gia công tác, trở thành cán bộ lãnh đạo ở địa phương; nhiều thanh niên Công giáo xung phong đi bộ đội lên đường chiến đấu, có người đã trở thành dũng sĩ diệt Mỹ, như ông Phạm Văn Kích (cháu họ Linh mục Phạm Bá Trục), có người trở thành sĩ quan cao cấp trong quân đội nhân dân Việt Nam, như ông Phạm Quang Thiện (cháu họ Linh mục Phạm Bá Trục).

Sau ngày hòa bình lập lại, cùng với nhân dân Yên Thành, đồng bào Công giáo xứ Bạch Liên tiếp tục phát huy tinh thần kính Chúa yên nước, tích cực tham gia công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Xã Yên Thành nói chung, giáo xứ Bạch Liên nói riêng luôn là nơi có phong trào thi đua yêu nước khá toàn diện, nhiều lần vinh dự được Linh mục Nguyễn Thế Vịnh, Chủ tịch Ủy Ban Liên lạc Công giáo Việt Nam yêu Tổ quốc, yêu hòa bình và Linh mục Võ Thành Trinh, Phó Chủ tịch về thăm. Ngày nay, đồng bào Công giáo Bạch Liên đã và đang cùng nhân dân trong xã đang tích cực tham gia công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng quê hương giàu đẹp, ấm no, hạnh phúc, có cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”, như điều mong mỏi của Linh mục Phạm Bá Trục./.

46. Hiện nay tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III còn lưu giữ một số thư từ của đồng bào Công giáo gửi Linh mục Phạm Bá Trục hưởng ứng lời kêu gọi của ông đăng trên Báo Cứu quốc số 70.

47. Tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III hiện vẫn lưu giữ được một số bức thư của giáo dân ở Hưng Yên, Vĩnh Phúc gửi Linh mục Phạm Bá Trục hưởng ứng lời kêu gọi của ông đăng trên báo Cứu quốc số 70 năm 1954.

48. *Lịch sử Đảng xã Yên Thành*, sđd, tr.45.